

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ THÁI HOÀ  
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 50/2023/HS-ST  
Ngày 27 tháng 9 năm 2023

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THÁI HOÀ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Diên.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Ngô Sỹ Lượng.  
2. Ông Hồ Văn Hào.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huyền Thương - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Văn Đức Châu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2023/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2023/QĐXXST-HS ngày 05/9/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2023/HSST-QĐ ngày 19/9/2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Hữu L - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 07 tháng 02 năm 1995, tại thị xã T, tỉnh Nghệ An; Nơi ĐKKHKT: Khôi T, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1969; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 23/3/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” thời hạn 21 (hai mươi một) tháng, theo quyết định số 04/QĐ-TA, chấp hành xong ngày 02/12/2021; Ngày 08/6/2022, bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” thời hạn 24 (hai mươi bốn) tháng (chưa chấp hành); nhân thân: Ngày 26/10/2012 bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (mười hai) tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 50/2012/HSST, chấp hành xong bản án ngày 26/10/2013; ngày 26/8/2015 bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xử phạt 48 (bốn mươi tám) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 36/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/5/2018; ngày 28/11/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 58/2018/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2019; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2023 đến nay

(có mặt).

- Bị hại:

+ Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963.

Trú tại: Khối T, phường H, thị xã T, tỉnh Nghệ An (có mặt).

+ Chị Phan Thị Nguyên D, sinh năm 1975.

Trú tại: Xóm P, xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Xuân S, sinh năm 1979.

Trú tại: Số C, đường L, khối A, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1987.

Trú tại: Xóm T, xã N, thị xã T, tỉnh Nghệ An (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ ngày 07/5/2023 đến ngày 16/5/2023, Nguyễn Hữu L đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã T và thành phố V, tỉnh Nghệ An, các lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 20 giờ ngày 07/5/2023, Nguyễn Hữu L đi bộ theo dọc đường quốc lộ 48D thuộc xã T, thị xã T, tỉnh Nghệ An nhằm mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đi qua ngõ nhà chị Phan Thị Nguyên D thì phát hiện trước nhà của chị D có 02 chiếc xe mô tô đang dựng trong sân nhà. L quan sát thấy không có người nên đã lén lút đi vào chỗ 02 chiếc xe đang dựng để trộm cắp tài sản cất trong cốp xe, L đi lại chỗ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda SH Mode của gia đình chị D đang dựng dùng tay cạy cốp yên xe để lấy trộm tài sản nhưng không cạy được nên L tiếp tục đi lại chỗ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead biển kiểm soát 37B-338.31, màu trắng sữa của chị D đang dựng cạnh chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH Mode, L dùng tay cạy cốp yên xe này thì lấy được một chiếc ví da màu đen có đặc điểm hình chữ nhật, kích thước (15x30)cm, có dây xách bằng da gắn ở một đầu phía trên chiếc ví của chị D cất trong cốp dưới yên xe. Bên trong chiếc ví có số tiền 3.100.000 đồng (ba triệu một trăm nghìn đồng), gồm 06 tờ tiền Việt Nam đồng loại mệnh giá 500.000 đồng; 01 tờ tiền Việt Nam đồng loại mệnh giá 100.000 đồng và 01 thẻ bảo hiểm mang tên Phan Thị Nguyên D. Sau khi lấy được chiếc ví da, L lấy toàn bộ số tiền trong chiếc ví rồi cất giấu vào trong người và đưa chiếc ví da đến khu vực bờ kè của Sông H cách chỗ nhà chị D khoảng 100m vút ở đó. Đến ngày 19/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiến hành truy tìm vật chứng và thu giữ tại khu vực bờ kè Sông Hiếu 01 chiếc ví da nêu trên bên trong có 01 thẻ bảo hiểm mang tên Phan Thị Nguyên D.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20/KL-ĐG ngày 23/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã T: 01 chiếc ví da màu đen hình chữ nhật, kích thước (15x30)cm, có dây xách bằng da gắn ở một đầu phía trên chiếc ví đã qua sử dụng có trị giá tại thời điểm chiếm đoạt là: 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Như vậy, tổng trị giá tài sản mà Nguyễn Hữu L chiếm đoạt của chị Phan Thị Nguyên D là: 3.250.000 đồng (ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Lần thứ hai: Vào khoảng 09 giờ ngày 14/5/2023, Nguyễn Hữu L đón xe khách từ thị xã T xuống thành phố V để chơi. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Nguyễn Hữu L đến cửa hàng Đ1 có địa chỉ số C, đường L, khối A, phường T, thành phố V để sửa chữa điện thoại của L. Trong lúc chờ lấy điện thoại thì L phát hiện tại khu vực bàn sửa chữa điện thoại có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro, màu xanh, đã qua sử dụng của anh Nguyễn Xuân S (là chủ cửa hàng điện thoại Khánh Hưng M) nên L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại này bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi nhân viên cửa hàng trả lại điện thoại đã sửa xong cho L thì L quan sát và lén lút đặt úp chiếc điện thoại của L lên chiếc điện thoại Iphone 11 Pro của anh S để dưới bàn rồi L cầm cả hai chiếc điện thoại đi ra khỏi cửa hàng. Sau khi phát hiện chiếc điện thoại của mình bị mất, anh S đã kiểm tra C an ninh ở cửa hàng thì phát hiện Nguyễn Hữu L là người lấy trộm chiếc điện thoại nêu trên, anh S đã đăng hình ảnh mà L trộm cắp chiếc điện thoại tại cửa hàng của mình lên trang mạng Facebook đồng thời nhắn yêu cầu trả lại điện thoại. Sau khi biết hành vi trộm cắp tài sản của mình bị phát hiện và đăng tải trên mạng xã hội nên đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, Nguyễn Hữu L đã đưa chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 Pro đã lấy trộm trước đó đến trả lại cho anh Nguyễn Xuân S. Ngày 09/6/2023, anh Nguyễn Xuân S1 đã làm đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã T về hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Hữu L, đồng thời giao nộp lại chiếc điện thoại di động Iphone 11 Pro và hình ảnh Camera mà L đã lấy trộm trước đó để phục vụ công tác điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 21/KL-ĐG ngày 16/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã T: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro 64GB, màu xanh đã qua sử dụng có trị giá tại thời điểm chiếm đoạt là: 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng). Như vậy, trị giá tài sản mà Nguyễn Hữu L chiếm đoạt của anh Nguyễn Xuân S là: 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Lần thứ ba: Do biết được ông Nguyễn Văn T1 (là chủ cửa hàng dịch vụ cầm đồ T) thường sử dụng số thuê bao trong điện thoại để đăng ký và kết nối với số tài khoản ngân hàng có sử dụng SmartBanking nên Nguyễn Hữu L nảy sinh ý định trộm cắp chiếc thẻ sim gắn trong điện thoại của ông T1 để chiếm đoạt tài khoản rồi chiếm đoạt tiền trong tài khoản của ông T1 lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 12 giờ 40 phút ngày 16/5/2023, Nguyễn Hữu L sử dụng khẩu trang che mặt và đội mũ bảo hiểm lưỡi trai nhằm mục đích không để người khác phát hiện rồi một mình đi đến cửa hàng của ông Nguyễn Văn T1 để thực hiện ý định trên. Khi đến nơi, L gặp ông T1 nên giả vờ nói cầm cố chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng của L với số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) thì được ông T1 đồng ý cầm cố. Khi ông T1 hỏi họ tên, địa chỉ người cầm cố để ghi biên lai cầm cố thì Nguyễn Hữu L nói tên là Nguyễn Văn H1, trú tại Làng V, phường L, thị xã T. Lúc này, Nguyễn Hữu L nói mượn chiếc điện thoại di động của ông Nguyễn Văn T1 để điện thoại cho người khác nhưng mục đích là để trộm cắp thẻ sim gắn trong máy điện thoại thì được ông T1 đồng ý cho mượn. Lợi dụng lúc ông T1 đang ghi biên lai cầm cố điện thoại thì Nguyễn Hữu L đã lén lút dùng thanh kim loại nhỏ đã chuẩn bị từ trước mở khay đựng sim và

thẻ nhớ trong điện thoại của ông T1 ra, L lấy 01 chiếc thẻ sim có số thuê bao 0915.047.775 đăng ký tên Nguyễn Văn T1 và 01 chiếc thẻ nhớ 4GB bên trong có nhiều hình ảnh liên quan đến ông T1. Sau khi trộm được thẻ sim và thẻ nhớ L bỏ vào túi quần đồng thời L trả điện thoại lại cho ông T1 và nói với ông T1 không cầm cố điện thoại nữa thì ông T1 đồng ý trả lại điện thoại cho L. L cầm chiếc thẻ sim và thẻ nhớ vừa trộm được của ông T1 đưa về nhà bà N của L tại khối P, phường Q, thị xã T, tỉnh Nghệ An. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày, Nguyễn Hữu L lấy chiếc thẻ sim vừa trộm được của ông T1 bỏ vào máy điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max của L. Tiếp đó Nguyễn Hữu L mở ứng dụng VCB D2 của ngân hàng V trên chiếc điện thoại rồi thực hiện dịch vụ yêu cầu kích hoạt lại ứng dụng VCB D2 trên thiết bị mới đối với tài khoản ngân hàng của Nguyễn Văn T1 theo số điện thoại 0915.047.775 được liên kết với tài khoản và thực hiện theo hướng dẫn trên hệ thống tin nhắn. Sau khi kích hoạt thành công tài khoản ngân hàng V của Nguyễn Văn T1 trên ứng dụng V1, Nguyễn Hữu L thấy trong tài khoản của ông Nguyễn Văn T1 có số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng). Để chiếm đoạt được số tiền trên, Nguyễn Hữu L tiếp tục kích hoạt yêu cầu cung cấp mã OTP mới thì được hệ thống cung cấp mã OTP mới. Sau khi có mã OTP, Nguyễn Hữu L thực hiện 04 giao dịch chuyển tiền vào các tài khoản khác cụ thể là: Vào ngày 16/5/2023, Nguyễn Hữu L chuyển vào số tài khoản 1030986264 (ngân hàng V) mang tên Nguyễn Thị T2, sinh năm 1980, địa chỉ: tổ F, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng 02 lần giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), tiếp đó cùng ngày Nguyễn Hữu L chuyển vào số tài khoản 8568220403 (ngân hàng T3) mang tên Hoàng Đại D1, sinh năm 2003, địa chỉ: Tổ dân phố H, phường K, quận H, thành phố Hà Nội giao dịch với số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và chuyển vào số tài khoản 105876745373 (ngân hàng V2) mang tên Lê Văn Trường A, địa chỉ: thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh giao dịch với số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng). Sau khi thực hiện các giao dịch chuyển tiền xong, Nguyễn Hữu L lấy chiếc thẻ sim và thẻ nhớ trộm được của ông T1 cất dấu vào chiếc ví da màu đen của Nguyễn Hữu L.

Sau khi phát hiện bị mất trộm chiếc thẻ sim và bị chiếm đoạt số tiền 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) trong tài khoản, ông Nguyễn Văn T1 đã trình báo với Cơ quan điều tra Công an thị xã T để điều tra làm rõ. Trong quá trình điều tra, Nguyễn Hữu L khai số tiền chiếm đoạt trong tài khoản của ông Nguyễn Văn T1, L đã chuyển cho 03 tài khoản nêu trên là để mở tài khoản trò chơi điện tử (đánh bạc) trên mạng xã hội và đã chơi hết số tiền trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số số 22/KL-ĐG ngày 31/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND thị xã T: 01 chiếc thẻ sim mạng Vinaphone có số thuê bao 0915.047.775 có trị giá tại thời điểm chiếm đoạt là: 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) và 01 chiếc thẻ nhớ MicroSD HC 4GB có trị giá tại thời điểm chiếm đoạt là: 10.000 đồng (mười nghìn đồng).

Như vậy, Nguyễn Hữu L đã trộm cắp chiếc thẻ sim và chiếm đoạt trong tài khoản của ông Nguyễn Văn T1 với số tiền là 36.000.000 đồng (ba mươi sáu triệu đồng) và trị giá tài sản tại thời điểm chiếm đoạt là 30.000 đồng (ba mươi nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là: 36.030.000 đồng (ba mươi sáu triệu, không trăm ba mươi nghìn đồng).

Tổng trị giá tài sản mà Nguyễn Hữu L chiếm đoạt của các bị hại trong 03 lần trộm cắp là: 43.280.000 đồng (bốn mươi ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số: 51/CT-VKS ngày 23 tháng 8 năm 2023, của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hoà đã truy tố Nguyễn Hữu L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 - BLHS.

Tại phiên toà, Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 - BLHS: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L từ 24 (hai mươi bốn) đến 30 (ba mươi) tháng tù.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phan Thị Nguyên D đã được gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại; bị hại anh Nguyễn Xuân S đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp, nay chị D, anh S không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Bị hại ông Nguyễn Văn T1 đã được Cơ quan CSĐT Công an thị xã T trả lại tài sản do bị cáo trộm cắp là 01 (một) sim điện thoại và 01 (một) thẻ nhớ MicroSD HC và đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Nay ông T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 48 - BLHS; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 - BLDS: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bị hại ông T1 số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS: Tuyên tịch thu hóa giá, nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng, số IMEI 357261099559848, số IMEI2 357261099584747, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0963.703.646 do bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) chiếc ví da màu đen hình chữ nhật, kích thước (12,5x10,5)cm, bên trong có 01 sim điện thoại có in số 8984 04800 00484 38091; 01 sim điện thoại có in số 8984 0480 0033 1219 494; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, số IMEI 356713054047574 thu giữ của Nguyễn Hữu L.

Đối với 03 (ba) thẻ nhớ có chứa nội dung video liên quan hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo được niêm phong trong 03 (ba) phong bì thư đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

Các vật chứng khác Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Bị cáo nhất trí về tội danh, mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị, bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và lời khai của người làm chứng trong quá trình điều tra cũng như vật chứng thu giữ được. Lời khai nhận tội của bị cáo còn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được đưa ra xem xét tại phiên tòa. Từ đó đã xác định được: Khoảng thời gian từ ngày 07/5/2023 đến ngày 16/5/2023, Nguyễn Hữu L đã lén lút, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã thực hiện 03 (ba) lần trộm cắp tài sản của ba bị hại gồm chị Phan Thị Nguyên D 01 chiếc ví da màu đen bên trong có số tiền 3.100.000 đồng và chiếc ví da màu đen có trị giá 150.000 đồng; anh Nguyễn Xuân S 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11Pro trị giá 4.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn T1 01 chiếc thẻ sim và 01 chiếc thẻ nhớ trong điện thoại di động có trị giá 30.000 đồng và số tiền 36.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà Nguyễn Hữu L đã trộm cắp của các bị hại là 43.280.000 đồng (bốn mươi ba triệu, hai trăm tám mươi nghìn đồng). Do đó hành vi của bị cáo Nguyễn Hữu L đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 - BLHS, như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thái Hòa đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc loại ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản, gây bất bình trong xã hội, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm nhưng với bản chất lười lao động, lại muốn có tiền tiêu xài nên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần xét xử nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[4] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần nên cần căn cứ điểm g khoản 1 Điều 52 - BLHS để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Mặt khác bị cáo đang có tiền sự, đã từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chưa được xóa và bị cáo có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Cố ý gây thương tích” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tự răn đe, giáo dục bản thân trở thành công dân có ích cho xã hội mà lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần xử nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên cũng cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Sau khi phạm tội đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại, đồng thời được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo nghề nghiệp lao động tự do, thu nhập thấp. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phan Thị Nguyên D đã được gia đình bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại; bị hại anh Nguyễn Xuân S đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp, nay chị D, anh S không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Bị hại ông Nguyễn Văn T1 đã được Cơ quan CSĐT Công an thị xã T trả lại tài sản do bị cáo trộm cắp là 01 (một) sim điện thoại và 01 (một) thẻ nhớ MicroSD HC và đã được gia đình bị cáo bồi thường số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng). Nay ông T1 yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng). Tại phiên tòa, bị cáo chấp nhận bồi thường cho ông T1 số tiền trên theo yêu cầu của ông T1. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 48 - BLHS; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 - BLDS: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho ông T1 số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

[7] Vật chứng vụ án: 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng, số IMEI 357261099559848, số IMEI2 357261099584747, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0963.703.646 do bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, hóa giá nộp ngân sách nhà nước theo điểm a khoản 2 Điều 106 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS:

Đối với 01 (một) chiếc ví da màu đen hình chữ nhật, kích thước (12,5x10,5)cm, bên trong có 01 sim điện thoại có in số 8984 04800 00484 38091; 01 sim điện thoại có in số 8984 0480 0033 1219 494; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, số IMEI 356713054047574 thu giữ của Nguyễn Hữu L không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo theo căn cứ khoản 3 Điều 106 - BLTTHS.

Đối với 03 (ba) thẻ nhớ có chứa nội dung video liên quan hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo đã được niêm phong trong 03 (ba) phong bì thư, tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

Các vật chứng khác Cơ quan CSĐT Công an thị xã T đã trả lại cho chủ sở hữu đúng quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Đối với Nguyễn Thị T2, Hoàng Đại D1 và Lê Văn Trường A là chủ sử dụng các số tài khoản ngân hàng mà Nguyễn Hữu L đã thực hiện hành vi chuyển tiền vào số tài khoản của Nguyễn Thị T2, Hoàng Đại D1 và Lê Văn Trường A do trộm cắp mà có. Tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa chưa đủ cơ sở để xử lý đối với

Nguyễn Thị T2, Hoàng Đại D1 và Lê Văn Trường A. Do đó đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T tiếp tục điều tra xử lý theo quy định.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 - BLHS:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L 26 (hai mươi sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 17/5/2023.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 - BLHS; các Điều 584; 585; 586 và Điều 589 - BLDS: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải có nghĩa vụ bồi thường cho ông Nguyễn Văn T1 số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 - BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 47 - BLHS: Tịch thu, hóa giá nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, màu vàng, số IMEI 357261099559848, số IMEI2 357261099584747, bên trong gắn thẻ sim số thuê bao 0963.703.646 do bị cáo sử dụng làm công cụ, phương tiện phạm tội.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hữu L 01 (một) chiếc ví da màu đen hình chữ nhật, kích thước (12,5x10,5)cm, bên trong có 01 sim điện thoại có in số 8984 04800 00484 38091; 01 sim điện thoại có in số 8984 0480 0033 1219 494; 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, số IMEI 356713054047574.

Toàn bộ số tang vật trên hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/8/2023 giữa Công an thị xã T và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Thái Hoà.

Đối với 03 (ba) thẻ nhớ có chứa nội dung video liên quan hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo được niêm phong trong 03 (ba) phong bì thư, tiếp tục lưu tại hồ sơ vụ án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 - BLTTHS; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án (kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án): Buộc bị cáo Nguyễn Hữu L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) án phí DSST.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại ông Nguyễn Văn T1 có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An. Bị hại chị Phan Thị Nguyên D, anh Nguyễn Xuân S vắng mặt, được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Công an thị xã Thái Hòa;
- VKSND thị xã Thái Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Thái Hòa;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(đã ký)*

**Lê Văn Diên**